

**TẠM GIAM TRƯỚC KHI XÉT XỬ THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ
HUNGARY: KINH NGHIỆM BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI**

PHẠM THỊ MINH TRANG*

Ngày nhận bài: 05/01/2026

Ngày phản biện: 21/01/2026

Ngày đăng bài: 25/04/2026

Tóm tắt:

Tạm giam trước khi xét xử là một trong những biện pháp hỗ trợ cơ quan nhà nước thực hiện hiệu quả quá trình tố tụng. Tuy nhiên, áp dụng biện pháp này đặt ra nhiều thách thức trong bảo vệ quyền cơ bản của người bị tạm giam. Các quy định về pháp luật tố tụng hình sự nói chung và chế định tạm giam nói riêng của Hungary, đã có nhiều điểm cải tiến, hoàn thiện dựa trên sự phát triển của quá trình lập pháp cũng như tham vấn các tiêu chuẩn Khuyến nghị được EU đưa ra. Nội dung bài viết phân tích, nghiên cứu các quy định về tạm giam trước khi xét xử. Đồng thời, đánh giá các khía cạnh đảm bảo quyền con người của người bị tạm giam. Từ đó, có sự đánh giá, so sánh với pháp luật Việt Nam cũng như đưa ra gợi mở nhằm bảo vệ quyền con người trong quá trình thực hiện tạm giam trước khi xét xử.

Từ khóa:

Tố tụng hình sự, tạm giam, biện pháp cưỡng chế, quyền con người, quyền cơ bản.

Abstracts:

Pre-trial detention is one of the measures that support competent authorities in the effective conduct of criminal proceedings. However, the application of this measure poses potential risks in ensuring the protection of the fundamental rights of detainees. Hungarian Criminal Procedure law, in general, and the regulation of pre-trial detention, in particular, have introduced various improvements and refinements. It is based on the development of legislative techniques, reference to standards and recommendations by the EU. This paper examines and researches pre-trial detention regulations. Then, it also assesses and compares with those regulations of Vietnamese law and offers some suggestions to strengthen the level of protection of human rights of detainees at this stage.

Keywords:

Criminal procedure, pre-trial detention, coercive measure, human rights, fundamental rights.

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, NCS Tại Đại học Pécs, Hungary;
Email: ptmtrang@hcmulaw.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Hungary là thành viên của Liên minh châu Âu. Mặc dù pháp luật hình sự thuộc thẩm quyền lập pháp của mỗi quốc gia thành viên, pháp luật của Liên minh không trực tiếp can thiệp nhưng ít nhiều vẫn bị tác động bởi những nguyên tắc và tiêu chuẩn khuyến nghị đã được Liên minh đưa ra, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người - lĩnh vực mà châu Âu được xem là một pháo đài vững mạnh¹. Mặt khác, quyền con người và đảm bảo quyền con người luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia², cũng như nền tảng trong việc ban hành và áp dụng pháp luật.

Căn cứ Điều 5 Công ước châu Âu về nhân quyền (ECHR), mọi người đều có quyền được tự do và được đảm bảo an ninh cá nhân. Không ai có quyền tước đoạt tự do của người khác trừ trường hợp pháp luật quy định. Trong pháp luật tố tụng hình sự, nhằm bảo vệ lợi ích chung của xã hội, truy vết và ngăn chặn tội phạm, các biện pháp cưỡng chế có thể được áp dụng, làm hạn chế một số quyền cơ bản của nghi phạm. Trong đó, biện pháp tạm giam trước khi xét xử (pre-trial detention) là biện pháp mang tính nghiêm khắc nhất mà cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng trong một số trường hợp. Tuy nhiên, Điều 6 ECHR cũng khẳng định nguyên tắc suy đoán vô tội, nên việc tạm giam chỉ được áp dụng khi thật sự cần thiết và trong thời hạn hợp lý, tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi tội phạm.

Trên thực tế, vấn đề bảo vệ quyền con người khi áp dụng tạm giam vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn. Tiêu biểu như: vấn nạn bức cung, nhục hình, tra tấn người bị tạm giam; tạm giam tùy tiện hoặc tạm giam quá mức; tình trạng quá tải hoặc không đảm bảo cơ sở vật chất tại cơ sở giam giữ; chế độ của người bị tạm giam còn hạn chế... Tình trạng này ảnh hưởng trực tiếp tới quyền cơ bản của bị can, bị cáo. Mặt khác, tạm giam cũng ảnh hưởng tiêu cực tới nhiều mặt trong cuộc sống của người bị tạm giam và gia đình của họ. Thách thức để áp dụng hiệu quả biện pháp tạm giam và đảm bảo quyền con người không chỉ đòi hỏi việc hoàn thiện quy định của pháp luật mà còn cần sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, triển khai hiệu quả công tác giám sát thi hành pháp luật, tôn trọng quyền của người bị tạm giam. Đây được xem là những nội dung cốt lõi để đảm bảo quyền con người trong pháp luật tố tụng hình sự.

¹ Peers, S., Hervey, T., Kenner, J., & Ward, A (2014), *The European Union and human rights*, Oxford University Press, p.3.

² “Bảo đảm quyền của người bị buộc tội theo Điều 6 - Công ước châu Âu về quyền con người”, Bộ Tư pháp, <https://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi&ListId=75a8df79-a725-4fd5-9592-517f443c27b6&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=2089&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3>, truy cập ngày 17/11/2025.

Nội dung bài viết triển khai nghiên cứu một số khía cạnh về tạm giam trước khi xét xử trong pháp luật tố tụng hình sự của Hungary dưới góc nhìn bảo vệ quyền con người. Theo đó, trên cơ sở trình bày khái quát về biện pháp tạm giam, phân tích một số nguyên tắc cơ bản cần được tuân thủ nhằm đảm bảo quyền con người khi áp dụng tạm giam, bài viết triển khai làm rõ điều kiện và thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam. Đồng thời, thực hiện so sánh, đối chiếu một số nội dung trọng tâm giữa quy định về tạm giam của pháp luật Hungary và Việt Nam, từ đó đề xuất một số gợi mở nhằm hoàn thiện, bảo vệ chặt chẽ hơn quyền con người của người bị tạm giam.

2. Khái quát chung về biện pháp tạm giam trước khi xét xử theo Luật Tố tụng Hình sự Hungary và nguyên tắc thi hành nhằm đảm bảo quyền con người

2.1. Khái quát chung về biện pháp tạm giam trước khi xét xử

Bộ luật Tố tụng Hình sự Hungary hiện hành được ban hành năm 2017 (The Act XC 2017) có hiệu lực thi hành 01/7/2018 (gọi tắt: BLTTHS 2017) thay thế Bộ luật Tố tụng Hình sự 1998, đã có những thay đổi tiến bộ, linh hoạt trong thủ tục tố tụng cũng như biện pháp cưỡng chế tạm giam trước khi xét xử. Theo Bộ luật hiện hành, quá trình tố tụng có thể chia làm ba giai đoạn chính, gồm: giai đoạn điều tra (Investigation) (Điều 339 đến Điều 403 BLTTHS 2017); giai đoạn trung gian (Intermediate Proceeding) (Điều 404 đến Điều 513 BLTTHS 2017); giai đoạn xét xử (Judicial Procedure) (Điều 514 đến Điều 865 BLTTHS 2017)³. Trong một số trường hợp, trước giai đoạn điều tra, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện thủ tục chuẩn bị (Preparatory Procedure). Mục tiêu của thủ tục này tương tự như giai đoạn “*Khởi tố vụ án hình sự*” theo pháp luật Việt Nam⁴. Qua đó, đưa ra quyết định sẽ bắt đầu giai đoạn điều tra chính thức hay đình chỉ xử lý vụ án.

Trong quá trình tố tụng, pháp luật cho phép cơ quan có thẩm quyền áp dụng một số biện pháp cưỡng chế đối với nghi phạm, nhằm đảm bảo hiệu quả trong truy tố và xử lý tội phạm. Điều 272 BLTTHS 2017 quy định các biện pháp cưỡng chế gồm nhóm biện pháp ảnh hưởng tới quyền tự do cá nhân và nhóm các biện pháp ảnh hưởng tới quyền tài sản. Trong đó, tạm giam trước khi xét xử là biện pháp cưỡng chế mang tính

³ Herke Csongor (2018), *Criminal Procedure Law*, Tập bài giảng, Trường Đại học Pécs, tr.6.

⁴ Điều 340 BLTTHS 2017, truy cập tại <https://njt.hu/jogszabaly/en/2017-90-00-00>.

Thủ tục chuẩn bị được thực hiện trong trường hợp tài liệu, chứng cứ không đủ để xác lập sự nghi ngờ về hành vi phạm tội và cần điều tra xác minh dấu hiệu phạm tội; hoặc có cơ sở hợp lý để cho rằng sau khi thực hiện thủ tục chuẩn bị sẽ có thể xác lập được sự nghi ngờ về hành vi phạm tội.

ng nghiêm khắc nhất mà cơ quan có thẩm quyền áp dụng đối với “bị cáo”⁵ trong giai đoạn tố tụng, vì nó ảnh hưởng tới thân thể, tự do cá nhân, các hệ lụy khác đối với chính người bị tạm giam và gia đình của họ.

Căn cứ Điều 296 BLTTHS 2017, tạm giam trước khi xét xử là hành vi tước đoạt quyền tự do cá nhân của bị cáo do thẩm phán ban hành trước khi có quyết định hoặc bản án cuối cùng mang tính ràng buộc. Khái niệm này cũng tương đồng với khái niệm được Liên minh châu Âu đưa ra tại Khuyến nghị của Ủy ban châu Âu 2023/61 ngày 8/12/2022 về các quyền tố tụng của nghi phạm và người bị buộc tội khi bị tạm giam trước khi xét xử và về các điều kiện giam giữ vật chất⁶.

Theo đó, việc áp dụng biện pháp tạm giam chỉ được thực hiện khi có sự nghi ngờ hợp lý, đồng thời tư cách pháp lý của người bị cáo buộc đã được xác định. Cụ thể, theo BLTTHS 2017, giai đoạn điều tra sẽ bao gồm: thủ tục Điều tra ban đầu (Detection/Cleaning up, Điều 383 đến Điều 390 BLTTHS 2017) và thủ tục Xem xét (Examination, Điều 391 đến Điều 403 BLTTHS 2017) (có một số tài liệu gọi đây là Giai đoạn thẩm vấn). Giai đoạn điều tra ban đầu nhằm xác định danh tính, hành vi phạm tội, thu thập và tìm kiếm chứng cứ. Ở giai đoạn thẩm vấn, cơ quan có thẩm quyền dựa trên tài liệu, chứng cứ đã thu thập và tiến hành thẩm vấn nghi phạm, thực hiện đánh giá hồ sơ, từ đó làm cơ sở cho Viện Công tố đưa ra quyết định tiếp theo. Vì vậy, biện pháp tạm giam chỉ được áp dụng từ thủ tục xem xét trở đi, khi đó cơ quan có thẩm quyền đã cơ bản xác minh về hành vi tội phạm và có cơ sở để thực hiện việc tạm thời tước bỏ quyền tự do của bị cáo.

Đồng thời, căn cứ Điều 296 BLTTHS 2017, biện pháp tạm giam có thể được áp dụng đến trước khi có quyết định hoặc bản án cuối cùng có hiệu lực. Do đó, nếu Bản án, Quyết định của Tòa bị kháng cáo thì trong thời gian giải quyết kháng cáo, biện pháp tạm giam vẫn có thể bị áp dụng nếu xét thấy cần thiết. Cần lưu ý, một vụ án hình sự có thể được xét xử tối đa 3 cấp theo Điều 12 BLTTHS 2017, bao gồm: (i) Xét xử lần đầu (first instance) thuộc thẩm quyền của Tòa án Quận hoặc Tòa án Khu vực; (ii) Xét

⁵ Cần lưu ý khái niệm bị cáo được sử dụng trong BLTTHS 2017 của Hungary có phạm vi rộng hơn so với khái niệm bị cáo trong BLTTHS 2015 của Việt Nam. Cụ thể, Điều 38 BLTTHS 2017 quy định bị cáo (defendant) là *chủ thể đang bị tiến hành thủ tục tố tụng hình sự*. Theo đó, bị cáo là bị can trong giai đoạn điều tra, bị cáo sau khi có cáo trạng truy tố, và người bị kết án sau khi hình phạt, khiển trách, cho hưởng án treo, lao động cải tạo, hoặc biện pháp giáo dục đặc biệt tại cơ sở giáo dục dành cho người chưa thành niên được áp dụng theo quyết định cuối cùng, có hiệu lực pháp luật. Trong khi đó, bị cáo trong pháp luật Việt Nam là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Giai đoạn trước đó, người bị cáo buộc gọi là “bị can” (Điều 60 BLTTHS 2015) kể từ khi bị khởi tố hình sự.

⁶ Commission Recommendation (EU) 2023/681 of 8/12/2022 on Procedural Rights of Suspects and Accused Persons Subject to Pre-Trial Detention and On Material Detention Conditions.

xử lần hai (second instance) khi có kháng cáo đối với xét xử lần đầu, thuộc thẩm quyền của: Tòa án khu vực xét xử các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án Quận; Tòa án phúc thẩm khu vực đối với vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án khu vực; trong một số trường hợp, thẩm quyền xét xử lần hai do Tòa án Tối cao (Toà Curia) phụ trách; (iii) Đối với xét xử lần ba (third instance), khi có kháng cáo bản án xét xử lần hai, Tòa án Phúc thẩm khu vực hoặc Tòa Tối cao sẽ phụ trách.

So sánh quy định của Việt Nam, phạm vi áp dụng biện pháp tạm giam có phần mở rộng hơn. Cụ thể, tạm giam là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự do cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, và thi hành án⁷. Do đó, ngoài bị can, bị cáo, biện pháp tạm giam có thể áp dụng cho người đang chờ chấp hành án phạt tù; người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú năm 2025.

2.2. Nguyên tắc trong thi hành biện pháp tạm giam nhằm đảm bảo quyền con người

Như đã đề cập, EU không thể trực tiếp can thiệp vào các quy định về chế định tạm giam bởi nó thuộc thẩm quyền lập pháp của mỗi quốc gia thành viên. Tuy nhiên, một số văn bản pháp lý của Liên minh châu Âu có thể sẽ liên quan và ảnh hưởng tới cách thức mà quốc gia thành viên sử dụng biện pháp tạm giam.⁸ Ngoài ra, liên quan tới khía cạnh bảo vệ quyền con người, Hungary đã phê chuẩn Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước châu Âu về nhân quyền, đồng thời chấp nhận thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân quyền châu Âu (ECtHR). Đây là những công cụ cốt lõi nhằm thúc đẩy việc bảo vệ quyền con người. Theo đó, khi áp dụng tạm giam trước khi xét xử, cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau để đảm bảo quyền của người bị tạm giam.

Thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 5 ECHR, khoản 1, 3 Điều 9 ICCPR, tự do và an toàn cá nhân là quyền cơ bản của con người, không ai bị bắt và giam giữ vô cớ. Do đó, tạm giam không hiển nhiên được áp dụng trong giai đoạn tố tụng hình sự mà là biện pháp “ngoại lệ”⁹, chỉ được áp dụng trong trường hợp thật sự cần thiết, có cơ sở rõ ràng

⁷ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam (có sửa đổi, chỉnh lý, bổ sung)*, Võ Thị Kim Oanh (Chủ biên), NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.314.

⁸ Adriano Martufi, Christina Peristeridou (2020), Pre-trial detention and EU Law: Collecting Fragments of Harmonisation within the Existing Legal Framework”, *European Papers*, Vol. 5, No. 3, Tr. 1477.

⁹ European Commission for Democracy through Law (Venice Commission) (2025), *Report on The Impact of The Pre-Trial Detention of Mayors on The Exercise of Local Democratic Governance*, CDL-AD(2025)045.

được pháp luật quy định, được cân nhắc kỹ lưỡng đối với từng nghi phạm trước khi áp dụng. Đây được xem là nền tảng để loại bỏ tình trạng bắt giam tùy tiện, lạm dụng tạm giam, xâm phạm quyền tự do và an toàn cá nhân. Bên cạnh đó, căn cứ tạm giam phải thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đặc biệt khi thực hiện gia hạn.

Nội dung này được thể hiện thông qua ba nội dung cơ bản gồm: (i) Có cơ sở, căn cứ để áp dụng biện pháp tạm giam. Căn cứ phải được luật quy định rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ, hạn chế quyết định chủ quan của cá nhân có thẩm quyền; (ii) Việc tạm giam trong thời gian chờ xét xử không được xem như một nguyên tắc chung, tức cần sự cân nhắc, xem xét trong từng trường hợp cụ thể; (iii) Chỉ áp dụng tạm giam như một biện pháp cưỡng chế sau cùng (last resort)¹⁰, chỉ khi những biện pháp ít nghiêm khắc hơn không thể thực thi hiệu quả mục đích mà giai đoạn tố tụng đang hướng tới. Các tiêu chuẩn này cần có sự kết nối chặt chẽ, phối hợp để loại trừ việc tước đoạt quyền tự do tùy tiện, vô cớ.

Thứ hai, tạm giam phải đảm bảo tính tương xứng. Nội dung này được thể hiện qua hai khía cạnh. Người bị bắt hoặc giam giữ vì tội hình sự phải được sớm đưa ra trước Tòa án hoặc cơ quan tài phán có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và có quyền được xét xử trong thời gian hợp lý hoặc được trả tự do trong khi chờ xét xử¹¹. Đồng thời, tạm giam phải được áp dụng trong khoảng thời hạn hợp lý, nhằm đảm bảo thời hạn tạm giam tương xứng với mức độ nguy hiểm của tội phạm. Theo đó, khoản 4 Điều 9 ICCPR cũng ghi nhận người bị tạm giam có quyền yêu cầu được xét xử trước tòa án, nhằm mục đích để tòa án đó có thể quyết định không chậm trễ về tính hợp pháp của việc giam giữ và ra lệnh trả lại tự do cho họ, nếu việc giam giữ là bất hợp pháp.

Thứ ba, căn cứ theo khoản 1 Điều 5 ECHR, tạm giam trước khi xét xử phải được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền và tuân thủ trình tự thủ tục được pháp luật quy định. Biện pháp cưỡng chế này ảnh hưởng bất lợi tới quyền tự do cá nhân, danh dự, uy tín, việc làm, thu nhập... của bản thân người đó và gia đình họ. Nên chỉ những cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mới được phép thực hiện tạm giam. Mặt khác, quá trình này yêu cầu tuân thủ trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. Qua đó, hạn chế tình trạng tước đoạt quyền tự do tùy tiện, lạm dụng quyền lực công cũng như có căn cứ để thực hiện kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện sai phạm.

¹⁰ Estella Baker, Tricia Harkin, Valsamis Mitsilegas LLM (Kent), Nina Peršak, (2020), “The Need for and Possible Content of EU Pre-trial Detention Rules”, *eucrim*, truy cập tại <https://eucrim.eu/articles/need-and-possible-content-eu-pre-trial-detention-rules/>, truy cập ngày 12/12/2025.

¹¹ Điều 9 Công ước Quốc tế về các quyền dân sự, chính trị 1966; khoản 3 Điều 5 Công ước Châu Âu về Nhân quyền.

3. Điều kiện và thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam trước khi xét xử - Kinh nghiệm bảo vệ quyền con người trong pháp luật Tố tụng Hình sự Hungary

3.1. Điều kiện áp dụng biện pháp tạm giam

Pháp luật tố tụng hình sự Hungary đã và đang triển khai, lồng ghép những nguyên tắc cốt lõi được ghi nhận trong pháp luật nhân quyền quốc tế nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi biện pháp tạm giam cũng như thúc đẩy bảo vệ quyền cơ bản của người bị tạm giam¹². Theo Điều 271 BLTTHS, chỉ nên áp dụng các biện pháp cưỡng chế ảnh hưởng tới quyền cơ bản của con người trong phạm vi và khoảng thời gian thật sự cần thiết. Điều 276 cũng quy định rõ mục đích áp dụng biện pháp cưỡng chế làm hạn chế quyền tự do chỉ khi có lý do chính đáng để nghi ngờ nghi phạm đã phạm tội hình sự hoặc đã bị truy tố. Chỉ áp dụng các biện pháp cưỡng chế mang tính nghiêm khắc hơn khi mục đích và hiệu quả tố tụng không thể đạt được bằng việc áp dụng các biện pháp ít nghiêm khắc hơn.

Đồng thời, mục đích của việc áp dụng biện pháp cưỡng chế ảnh hưởng tới quyền tự do được quy định chi tiết với các trường hợp, gồm: (i) Đảm bảo sự có mặt của bị cáo nếu bị cáo đã trốn thoát, cố gắng trốn thoát hoặc lẩn trốn trong các giai đoạn tố tụng. Hoặc có lý do chính đáng cho rằng bị cáo có thể sẽ lẩn trốn; (ii) Ngăn chặn sự cản trở hoặc làm quá trình thu thập chứng cứ trở nên phức tạp. Cụ thể, bị cáo có một trong các hành vi như cản trở việc thu thập chứng cứ; đe dọa, hành hung hoặc các hành vi tác động trái phép tới người tham gia tố tụng, các chủ thể có liên quan; tiêu hủy, làm giả hoặc che giấu tài liệu, chứng cứ hoặc tài sản thuộc diện bị tịch thu. Hoặc có căn cứ hợp lý để cho rằng bị cáo có thể thực hiện những hành vi trên; (iii) Loại bỏ khả năng tái phạm nếu bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi của tội phạm đang được giải quyết hoặc một tội phạm cố ý khác có khung hình phạt tù sau khi bị cáo đã bị thẩm vấn. Hoặc có lý do hợp lý để cho rằng bị cáo sẽ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trên.

Đặc biệt, trước khi áp dụng biện pháp tạm giam, các yếu tố sau đây cũng được xem xét, gồm: bản chất của tội phạm, tình trạng của hoạt động điều tra, hoàn cảnh nhân thân và gia đình của bị cáo, mối quan hệ giữa bị cáo với người tham gia tố tụng và các chủ thể khác có liên quan, hành vi của bị cáo trước và trong quá trình tố tụng hình sự (Khoản 4 Điều 277 BLTTHS 2017). Điều này nhằm đánh giá, cân nhắc một cách kỹ lưỡng, cá nhân hóa từng trường hợp trước khi quyết định có cần thiết phải áp

¹² Krisztián Szabó, 10 years in the history of pre-trial detention in Hungary (2010-2019), truy cập tại <https://ujbtk.hu/krisztian-szabo-10-years-in-the-history-of-pre-trial-detention-in-hungary/>, truy cập ngày 11/12/2025.

dụng biện pháp tạm giam hay có thể áp dụng những biện pháp thay thế khác nhưng vẫn đạt được hiệu quả trong giai đoạn tố tụng.

Có thể nói, việc xem xét kết hợp các tiêu chí nhằm đảm bảo cá nhân hóa trong từng vụ việc mang ý nghĩa quan trọng để áp dụng biện pháp tạm giam phù hợp. Phán quyết của ECtHR năm 2016 là minh chứng tiêu biểu cho khẳng định này. Cụ thể, ECtHR đã kết luận hành vi tạm giam bị cáo của cơ quan có thẩm quyền Hungary là thiếu cơ sở, chưa xem xét toàn diện hoàn cảnh của bị cáo, bản chất tội phạm và sự cần thiết khi áp dụng biện pháp tạm giam¹³. Sau đó, quy định tại Điều 277 đã được bổ sung trong BLTTHS 2017 nhằm đảm bảo cá nhân hóa trong từng vụ việc và sự chặt chẽ trong căn cứ áp dụng tạm giam.

Dưới góc độ so sánh, điều kiện áp dụng biện pháp tạm giam theo pháp luật tố tụng Hungary có sự khác biệt nhất định so với quy định của BLTTHS Việt Nam.

Thứ nhất, quy định về điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn (trong đó bao gồm tạm giam) được quy định mang tính khái quát và có phạm vi rộng hơn. Cụ thể, Điều 109 BLTTHS năm 2015 của Việt Nam quy định “*Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án*” thì cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Thứ hai, căn cứ để tạm giam được xác định dựa trên phân loại tội phạm. Điều 119 quy định đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt tù trên 02 năm thì có thể tạm giam nếu người đó thuộc một trong các trường hợp: Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vẫn vi phạm; không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài

¹³ Case of Bandur v. Hungary, (Application no. 50130/12), truy cập tại [https://hudoc.echr.coe.int/eng#{%22itemid%22:\[%22001-164464%22\]}](https://hudoc.echr.coe.int/eng#{%22itemid%22:[%22001-164464%22]}), truy cập ngày 30/12/2025.

Trong vụ án ông Bandur khởi kiện Hungary, ông Bandur, một tài xế xe tải, bị cáo buộc đã trộm số hàng sau khi chờ hàng đến kho. Trong chứng từ xác nhận giao hàng tại kho, 2 ký tự trong tên và 1 ký tự trong căn cước công dân của ông bị sai lệch. Sau đó, cảnh sát đến địa chỉ thường trú và không tìm được ông vì ông đã ra nước ngoài làm việc. Cảnh sát phát lệnh truy nã với lý do ông bỏ trốn. Sau khi trở về nước và nhận được thông tin, ông đã đến ngay cơ quan điều tra để tường trình, hợp tác điều tra và giao nộp các giấy tờ có liên quan. Tuy nhiên, cảnh sát vẫn áp dụng biện pháp tạm giam dựa trên cơ sở ông bị truy nã vì trước đó đã cư trú ở nước ngoài. Tòa ECtHR nhận định cơ quan có thẩm quyền Hungary chưa xem xét toàn diện các tiêu chí nhằm đánh giá bản chất tội phạm, hoàn cảnh cụ thể và sự cần thiết khi áp dụng tạm giam. Ông Bandur ở nước ngoài vì tính chất công việc chứ không xuất phát từ việc ông bỏ trốn, mặt khác ông tự nguyện phối hợp điều tra và không có ý định lẩn trốn.

liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này. Trong khi đó, đối với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng có thể áp dụng biện pháp tạm giam mà không kèm theo điều kiện khác. Tức yếu tố thật sự cần thiết chưa được thể hiện rõ nét, thậm chí là quyết định mang tính chủ quan của cơ quan có thẩm quyền.

Xét thấy, căn cứ vào mục đích của việc áp dụng biện pháp tạm giam, pháp luật cần xem xét bổ sung các yếu tố liên quan tới bản chất tội phạm; hoàn cảnh nhân thân và gia đình; hành vi của bị can, bị cáo trước và trong quá trình tố tụng hình sự. Qua đó, kết hợp với yếu tố cá nhân hóa để cân nhắc áp dụng biện pháp tạm giam khi thật sự cần thiết.

Bên cạnh đó, ở Hungary, Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam. Trong trường hợp trước khi truy tố, phải có sự đề nghị của Cơ quan Công tố và được Tòa án đồng ý thì biện pháp tạm giam mới được áp dụng (Điều 278). Ở giai đoạn này, việc đề nghị áp dụng biện pháp tạm giam phải thông qua hai lần đánh giá, cân nhắc bởi cơ quan Công tố và Tòa án. Điều này thể hiện sự thận trọng khi đánh giá căn cứ và điều kiện áp dụng nhằm hạn chế việc áp dụng tùy tiện, lạm dụng. Trong khi đó, Việt Nam trao thẩm quyền thực hiện tạm giam cho nhiều chủ thể khác nhau tùy thuộc vào các giai đoạn tố tụng (khoản 1 Điều 113 BLTTHS năm 2015 và khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi BLTTHS năm 2025). Cụ thể, gồm: Thủ trưởng, phó Thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp, Điều tra viên¹⁴ có quyền ra lệnh, quyết định tạm giam nhưng phải được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Viện kiểm sát quân sự; Chánh án và Phó Chánh án Tòa án nhân dân hoặc Tòa án quân sự...

Trong khi thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam ở Hungary được quy định khá chặt chẽ, phải do Tòa án đánh giá mức độ cần thiết dựa trên những tiêu chí do pháp luật đã quy định. Ở Việt Nam, thẩm quyền được xác định tương ứng với giai đoạn tố tụng và trao cho các chủ thể khác nhau. Tuy nhiên, điều này vẫn thể hiện được sự thận trọng trong việc xem xét áp dụng tạm giam, và giám áp lực cho ngành Tòa án. Cụ thể, thẩm quyền được quy định cho người đứng đầu hoặc cấp phó của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Riêng trong giai đoạn điều tra, lệnh tạm giam phải

¹⁴ Điều tra viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 37 BLTTHS năm 2015 (Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên cao cấp là Trưởng Công an cấp xã hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã được Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh phân công tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra vụ án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn cấp xã).

được sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhằm giảm thiểu việc tạm giam tùy tiện, đặc biệt khi giai đoạn này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu thập chứng cứ, xác định tội phạm trong mô hình tố tụng ở Việt Nam. Mặt khác, quy định này cũng tuân thủ nội dung được Hiến pháp thể hiện: “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định”.¹⁵

Một khía cạnh khác cũng cần được thực hiện hiệu quả để đảm bảo tạm giam được áp dụng như một giải pháp cuối cùng. Theo đó, EU cũng khuyến nghị nên ưu tiên áp dụng các biện pháp thay thế cho tạm giam, đặc biệt khi tội phạm chỉ có khung hình phạt tù ngắn hạn hoặc người bị cáo buộc là trẻ em. Theo đó, Khuyến nghị 2023/681, mục 5 và mục 17 lần lượt đưa ra khái niệm về biện pháp thay thế (alternative measures) và liệt kê một số biện pháp ít nghiêm khắc hơn có thể được áp dụng thay cho tạm giam. Qua đó, định hướng hoàn thiện và tăng cường áp dụng các biện pháp thay thế trở thành công cụ hiệu quả giảm thiểu việc áp dụng tạm giam trong giai đoạn tố tụng.

Xét thấy Hungary và nhiều quốc gia khác trên thế giới đã và đang áp dụng khá phổ biến, hiệu quả biện pháp “Giám sát điện tử”¹⁶. Thông qua việc sử dụng thiết bị điện tử để giám sát vị trí và quản lý chặt chẽ đối với bị can, bị cáo. Việc áp dụng giám sát điện tử trong lĩnh vực giam giữ đạt được sự cân bằng giữa các quyền tự do cá nhân với lợi ích của nhà nước¹⁷. Do đó, việc nghiên cứu bổ sung biện pháp giám sát điện tử như một biện pháp thay thế tạm giam ở Việt Nam có thể giảm tải các trường hợp tạm giam, vừa bắt kịp xu thế phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới, đồng thời có sự giám sát ở mức độ cần thiết đối với nghi phạm.

3.2. Thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam

Thời hạn tạm giam được hiểu là khoảng thời gian tối đa mà cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp này đối với người bị tạm giam trong quá trình thực hiện thủ tục tố tụng. Đây là một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo quyền con người của người bị tạm giam. Bởi bất kỳ ai bị bắt, giam giữ vì tội hình sự... phải được xét xử trong thời gian hợp lý hoặc được trả tự do trong thời gian chờ xử lý¹⁸. Nên

¹⁵ Điều 20 Hiến pháp năm 2013.

¹⁶ Mike Nellis (2015), Standards and Ethics in Electronic Monitoring Handbook for professionals responsible for the establishment and the use of Electronic Monitoring, Council of Europe, tr.10.

Theo khái niệm được Hội đồng châu Âu đưa ra, giám sát điện tử (Electronic monitoring) là một thuật ngữ khái quát, bao hàm nhiều loại công nghệ khác nhau, hiện nay chủ yếu sử dụng tần số vô tuyến, xác minh giọng nói, cũng như sự kết hợp giữa định vị vệ tinh và theo dõi qua mạng điện thoại di động.

¹⁷ Trần Thị Thu Hiền (2025), *Biện pháp tạm giam trong tố tụng hình sự Đức và Kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 5, tr.60.

¹⁸ Khoản 3 Điều 5 Công ước châu Âu về Nhân quyền.

thời hạn tạm giam là cơ sở để người bị tạm giam bảo vệ quyền lợi cơ bản. Mặt khác, nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án, tránh tình trạng kéo dài hoặc trì hoãn. Mặt khác, người bị tạm giam vẫn được xem là vô tội theo nguyên tắc suy đoán vô tội. Mặc dù việc hạn chế quyền tự do nhằm mục đích đảm bảo hiệu quả trong tố tụng, nhưng thời hạn phải tương xứng với mức độ của hành vi và đảm bảo cân bằng giữa quyền cơ bản của cá nhân và các lợi ích khác mà Nhà nước hướng tới.

Biện pháp tạm giam chỉ được áp dụng kể từ giai đoạn xem xét của quá trình điều tra. Tức việc hạn chế quyền tự do của nghi phạm chỉ có thể được áp dụng bắt đầu từ giai đoạn thẩm vấn (khi xác lập tư cách pháp lý của bị cáo)¹⁹. Điều 297 BLTTHS năm 2017 quy định cách xác định thời hạn tạm giam được chia thành 2 giai đoạn theo cột mốc truy tố vụ án. Cụ thể, trước khi truy tố, thời hạn tạm giam tối đa không quá 01 tháng tính từ thời điểm bắt đầu tạm giam tới giai đoạn chuẩn bị xét xử của cấp xét xử thứ nhất. Thời hạn tạm giam có thể gia hạn nhiều lần, trong năm tạm giam thứ nhất mỗi lần gia hạn không quá 03 tháng, và từ năm tạm giam thứ hai trở đi thì mỗi lần gia hạn không quá 02 tháng. Việc gia hạn tạm giam có thủ tục thực hiện khá chặt chẽ và thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trước khi hết hạn tạm giam ít nhất 05 ngày, cơ quan Công tố phải gửi đơn yêu cầu gia hạn tới Tòa án có thẩm quyền để xem xét, quyết định. Trong trường hợp sau khi truy tố, thời hạn tạm giam được áp dụng tương tự như thời hạn của biện pháp giám sát hình sự (*the criminal supervision*). Tức có thể áp dụng tạm giam tối đa tới khi phán quyết cuối cùng của cấp xét xử thứ nhất có hiệu lực²⁰.

Tuy nhiên, thời hạn tạm giam không được vượt quá thời hạn của án phạt tù được tuyên trong phán quyết chưa có hiệu lực của Tòa cũng như không vượt quá thời hạn tạm giam tối đa được quy định tại Điều 298 BLTTHS năm 2017. Cụ thể, mức giới hạn tối đa được tạm giam căn cứ trên khung hình phạt tù tối đa mà hành vi phạm tội có thể bị áp dụng. Đối với những tội có mức hình phạt tù lên đến 3 năm thì thời hạn tạm giam tối đa không quá 1 năm. Tương tự, tạm giam tối đa không quá 2 năm với tội có mức phạt tù lên đến 5 năm; 3 năm đối với tội có mức phạt tù lên đến 10 năm. Trường hợp án phạt tù từ 10 năm trở lên có thể bị tạm giam tối đa không quá 4 năm. Và tối đa không quá 5 năm đối với tội có khung hình phạt chung thân. Tuy nhiên, thời hạn tạm giam tối đa không áp dụng trong trường hợp biện pháp tạm giam được áp dụng hoặc duy trì sau khi ban hành bản án có hiệu lực; đang trong giai đoạn thực hiện thủ tục xét xử kháng cáo; thủ tục tố tụng được tiến hành lại do bản án hoặc quyết định bị hủy bỏ.

¹⁹ Herke Csongor (2018), *Criminal Procedure Law*, Tập bài giảng, Trường Đại học Pécs, tr.53.

²⁰ Khoản 1 Điều 290 BLTTHS 2017.

Quy định về thời hạn tạm giam tối đa nhằm thể hiện sự tương xứng giữa biện pháp cưỡng chế và mức độ của hành vi phạm tội, tránh việc đánh đồng, cào bằng thời hạn tạm giam giữa những hành vi có mức độ nghiêm trọng khác nhau. Đây cũng là một phương thức bảo vệ quyền con người đối với người bị tạm giam. Mặt khác, đảm bảo căn cứ để tạm giam luôn được xem xét, đánh giá trong giai đoạn tố tụng. Bởi trước khi gia hạn tạm giam, tương ứng từng giai đoạn tố tụng, cơ quan Điều tra, cơ quan Công tố và Tòa án luôn phải rà soát lại các căn cứ tạm giam. Mặt khác, thúc đẩy tốc độ thực hiện các trách nhiệm cần thiết của cơ quan có thẩm quyền, tránh tình trạng trì trệ, kéo dài.

Trong khi đó, theo pháp luật Việt Nam, thời hạn tạm giam được quy định tương ứng với từng giai đoạn tố tụng. Thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra được quy định tại Điều 173 BLTTHS 2015 được phân chia theo phân loại tội phạm. Đối với tội phạm có mức độ nghiêm trọng càng cao thì thời hạn tạm giam có thể bị gia hạn và kéo dài càng lâu. Sau khi hồ sơ vụ án được giao lại cho Viện kiểm sát để thực hành quyền công tố, việc áp dụng biện pháp tạm giam do Viện kiểm sát quyết định nhưng không được quá thời hạn quyết định việc truy tố tại Điều 240 BLTTHS 2015. Khi quyết định việc truy tố bị can, Viện kiểm sát chuyển hồ sơ vụ án, bản cáo trạng tới Tòa án. Đồng thời, trước khi hết thời hạn tạm giam 07 ngày, Viện kiểm sát thông báo cho Tòa án để xem xét, quyết định tạm giam bị can khi nhận hồ sơ vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không vượt quá thời hạn xét xử được quy định tại Điều 277. Trong trường hợp, bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, Hội đồng xét xử ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa trong trường hợp xét thấy cần thiết.

Như vậy, quy định hiện hành của Việt Nam không đặt ra giới hạn tối đa cho tổng thời gian tạm giam. Điều này đặt ra rủi ro cho người bị tạm giam, đặc biệt khi vụ án được phục hồi điều tra theo Điều 235 BLTTHS 2015, điều tra bổ sung theo Điều 245, phục hồi vụ án theo Điều 249 vì thời hạn tạm giam bị kéo dài hoặc thậm chí bị xác định lại. Hệ quả dẫn đến tiêu chuẩn áp dụng biện pháp tạm giam trong khoảng thời gian hợp lý không được đảm bảo. Xét thấy, biện pháp tạm giam không phải là hình phạt²¹ mà là biện pháp ngăn chặn được áp dụng trong trường hợp thật sự cần thiết của quá trình tố tụng. Đồng thời, người bị tạm giam bị hạn chế cơ bản cũng như đối mặt với các hệ quả bất lợi về tài chính, sức khỏe, danh dự... của bản thân và gia đình họ. Do đó, học tập kinh nghiệm của pháp luật Hungary, cần bổ sung quy định về thời hạn tạm giam tối đa.

²¹ Trần Thị Thu Hiền (2025), *Biện pháp tạm giam trong tố tụng hình sự Đức và Kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 5, tr.60.

4. Kết luận

Nhìn chung, biện pháp tạm giam trước khi xét xử trong pháp luật Hungary và Việt Nam có một số điểm tương đồng. Các quy định của pháp luật hiện hành đã và đang có sự hoàn thiện hơn trước nhằm chú trọng mức độ bảo vệ quyền con người trong quá trình áp dụng biện pháp tạm giam. Tuy vậy, vẫn còn một số hạn chế, tồn tại trong các quy định của pháp luật và quá trình triển khai thực hiện.

Do đó, việc hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong tạm giam trước khi xét xử là yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm lập pháp của Hungary và một số tiêu chuẩn khuyến nghị của EU, xét thấy cần hoàn thiện căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp tạm giam nhằm đảm bảo tiêu chí chỉ áp dụng tạm giam khi thật sự cần thiết và trong thời gian hợp lý. Bên cạnh đó, việc bám sát các nguyên tắc cơ bản trong quá trình áp dụng biện pháp tạm giam là nền tảng đảm bảo quyền con người được thực thi hiệu quả. Mặt khác, việc nghiên cứu mở rộng và áp dụng hiệu quả biện pháp thay thế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tình trạng lạm dụng biện pháp tạm giam. Cuối cùng, để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường phối hợp hiệu quả, thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát²², kịp thời phát hiện sai sót, lạm quyền trong quá trình áp dụng tạm giam. Qua đó, không chỉ triển khai việc áp dụng biện pháp tạm giam hiệu quả trong giai đoạn tố tụng hình sự mà còn đảm bảo quyền con người trong quá trình triển khai áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng Hình sự 2017 của Hungary (The Act XC 2017), truy cập tại <https://njt.hu/jogszabaly/en/2017-90-00-00>.
2. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hà Nội.
3. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú năm 2025.
4. Công ước châu Âu về nhân quyền (European Convention on Human Rights)
5. Khuyến nghị của Ủy ban châu Âu 2023/61 ngày 08/12/2022 về các quyền tố tụng của nghi phạm và người bị buộc tội khi bị tạm giam trước khi xét xử và về các điều kiện giam giữ vật chất (Commission Recommendation (EU) 2023/681 of

²² Xem thêm: Nguyễn Đăng Lộc (2024), *Kiểm sát việc bảo đảm quyền con người khi áp dụng biện pháp tạm giam*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/14/kiem-sat-viec-bao-dam-quyen-con-nguoi-khi-ap-dung-bien-phap-tam-giam/>, truy cập ngày 25/12/2025.

8/12/2022 on Procedural Rights of Suspects and Accused Persons Subject To Pre-Trial Detention and On Material Detention Conditions).

6. Case of Bandur v. Hungary, (Application no. 50130/12), truy cập tại [https://hudoc.echr.coe.int/eng#{%22itemid%22:\[%22001-164464%22\]}](https://hudoc.echr.coe.int/eng#{%22itemid%22:[%22001-164464%22]}), truy cập ngày 30/12/2025.

7. Adriano Martufi, Christina Peristeridou (2020), “*Pre-trial detention and EU Law: Collecting Fragments of Harmonisation within the Existing Legal Framework*”, European Papers, Vol. 5, No. 3.

8. “*Bảo đảm quyền của người bị buộc tội theo Điều 6 - Công ước châu Âu về quyền con người*”, Bộ Tư pháp, truy cập tại <https://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi&ListId=75a8df79-a725-4fd5-9592-517f443c27b6&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=2089&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3>, truy cập ngày 17/11/2025.

9. Estella Baker, Tricia Harkin, Valsamis Mitsilegas LLM (Kent), Nina Peršak (2020), “*The Need for and Possible Content of EU Pre-trial Detention Rules*”, eucrim, truy cập tại <https://eucrim.eu/articles/need-and-possible-content-eu-pre-trial-detention-rules/>, truy cập ngày 12/12/2025.

10. Hungarian Helsinki Committee, “*Detention conditions in Hungary fall short of European standards*”, truy cập tại https://helsinki.hu/en/wp-content/uploads/sites/2/2025/07/HHC_DetentionConditions_250702.pdf, truy cập 2/11/2025.

11. Herke Csongor (2018), *Criminal Procedure Law*, Tập bài giảng, Trường Đại học Pécs.

12. Krisztián Szabó, 10 years in the history of pre-trial detention in Hungary (2010-2019), truy cập tại <https://ujbtk.hu/krisztian-szabo-10-years-in-the-history-of-pre-trial-detention-in-hungary/>, truy cập ngày 11/12/2025.

13. Mike Nellis (2015), *Standards and Ethics in Electronic Monitoring Handbook for professionals responsible for the establishment and the use of Electronic Monitoring*, Council of Europe.

14. Nguyễn Đăng Lộc (2024), “*Kiểm sát việc bảo đảm quyền con người khi áp dụng biện pháp tạm giam*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/14/kiem-sat-viec-bao-dam-quyen-con-nguoi-khi-ap-dung-bien-phap-tam-giam/>, truy cập ngày 25/12/2025.

15. Peers, S., Hervey, T., Kenner, J., & Ward, A (2014), *The European Union and human rights*, Oxford University Press.
16. Trần Thị Thu Hiền (2025), “*Biện pháp tạm giam trong tố tụng hình sự Đức và Kinh nghiệm cho Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 5.
17. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam (có sửa đổi, chỉnh lý, bổ sung)*, Võ Thị Kim Oanh (Chủ biên), NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.